

THÔNG BÁO
Tuyển sinh lớp 10 hệ THPT, năm học 2020 - 2021

Căn cứ Công văn số 2664/BGDĐT-GDDT ngày 21/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thí điểm tuyển sinh bổ sung học sinh dân tộc Kinh cùng học với học sinh dân tộc nội trú; Công văn số 2790/BGDĐT-GDDT ngày 28/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt kế hoạch tuyển sinh bổ sung học sinh dân tộc Kinh năm học 2020 – 2021;

Trường Hữu Nghị T78 thông báo tuyển sinh lớp 10 hệ THPT năm học 2020 – 2021 như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 70 học sinh.

2. Đối tượng xét tuyển: Học sinh dân tộc Kinh đã tốt nghiệp chương trình THCS tại Thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc Việt Nam (Lưu ý học sinh phải học tiếng Anh cả 04 năm THCS).

3. Độ tuổi dự tuyển: 15 tuổi (các trường hợp đặc biệt khác quy định tại Hướng dẫn số 1524/SGDDT – QLT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2020-2021).

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập rèn luyện của học sinh cấp THCS (căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông và Hướng dẫn số 1524/SGDDT – QLT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2020-2021).

III. KINH PHÍ

1. Học phí: 217,000 đồng/tháng x 09 tháng = 1,953,000 đồng.

2. Chi phí đào tạo: 5,985,000 đồng/năm học.

Lưu ý: Các khoản kinh phí trên chưa bao gồm bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thân thể, tiền ăn, ở kí túc xá... (đối với học sinh ở nội trú theo yêu cầu). Chi tiết xem tại Danh mục các khoản thu học phí và chi phí đào tạo kèm theo thông báo này.

IV. HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu trên Website của trường tại địa chỉ: <http://huunghit78.edu.vn>).

2. Bản sao giấy khai sinh (công chứng).

3. Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (công chứng) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời.

4. Bản sao Học bạ trung học cơ sở (công chứng).

5. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

6. Giấy xác nhận do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ, LỆ PHÍ TUYỂN SINH

1. **Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển:** Từ 03/8/2020 đến 17h00 ngày 07/8/2020 (Nếu thí sinh gửi qua đường bưu điện, thời gian nhận hồ sơ xét tuyển tính theo dấu bưu điện).

2 **Địa điểm nộp hồ sơ:** Phòng Quản lý chất lượng, trường Hữu Nghị T78, Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội.

3. **Thời gian dự kiến thông báo kết quả xét tuyển:** Ngày 11/8/2020 (nếu học sinh không trúng tuyển nhà trường không hoàn trả hồ sơ).

4. **Thời gian nhập học dự kiến:** từ 01/9/2020 đến 05/9/2020.

5. **Lệ phí tuyển sinh:** 100.000 đồng/học sinh.

VI. TƯ VẤN HỖ TRỢ TUYỂN SINH

- Thầy Lê Phú Thắng (Hiệu trưởng): 0964.211.888

- Thầy Nguyễn Hoàng Hiếu (TP Quản lý chất lượng): 0988.558.525

Nơi nhận:

- Đăng bảng tin, Website;
- Lưu : VT.



TS. Lê Phú Thắng

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ VÀ CHI PHÍ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Thông báo số 433 /TB-HNT78 ngày 03 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Hữu Nghị T78)

TT	Nội dung	Định mức	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
I	Học phí	217,000	9	1,953,000	
II	Chi phí đào tạo	665,000	9	5,985,000	
1	Chi phí khám bệnh, chăm sóc sức khỏe thông thường	50,000	9	450,000	Bao gồm: thăm khám đầu năm học, thuốc chữa bệnh thông thường...
2	Chi phí tổ chức học buổi 2 (theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày của trường PT DTNT)	95,000	9	855,000	Bao gồm hướng dẫn học tập, chi phí quản lý, điện nước, csvc...
3	Tiền học phẩm, photô phục vụ kiểm tra, thi	20,000	9	180,000	
4	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	400,000	9	3,600,000	Theo hoạt động của trường dân tộc nội trú: Trải nghiệm, các hoạt động sinh hoạt văn thể mỹ, kỹ năng sống, STEM ...
5	Bổ sung trang thiết bị dạy học, thực hành, thí nghiệm	100,000	9	900,000	
III	Các khoản thu không bắt buộc (thu theo yêu cầu)			15,274,000	
1	Tiền ăn hàng tháng (đối với học sinh ở nội trú)	1,200,000	9	10,800,000	Bao gồm tiền ăn và chi phí thuê nhân công
2	Tiền ở Ký túc xá (đối với học sinh ở nội trú)	200,000	9	1,800,000	Bao gồm cả tiền sử dụng điện nước theo định mức quy định
3	Chăn, màn, chiếu, gối (đối với học sinh ở nội trú)		3 năm	600,000	Cấp 1 lần cho cả khóa học
4	Bảo hiểm y tế		1 năm	604,000	Thu theo quy định
5	Bảo hiểm thân thể		1 năm	120,000	Tự nguyện
6	Đồng phục, trang phục (dự kiến)	500,000	1 năm	500,000	Bao gồm 1 sơ mi dài tay, 1 Sơ mi ngắn tay + 1 áo khoác 3 lớp
7	Sách giáo khoa	350,000	1 năm	350,000	
8	Văn phòng phẩm	500,000	1 năm	500,000	Bao gồm: 1 cặp, 40 quyển vở; 24 bút bi, 03 bút chì, compa, thước đo độ...